

Số: 167/KH-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Đề án).

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 107/TTr-SNN ngày 17/6/2024, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp tại Đề án;
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong đề án nhằm nâng cao chất lượng rừng, phát huy các giá trị tổng hợp của rừng và hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Đề án, xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai Đề án; bảo đảm sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát sinh;
- Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phát huy tiềm năng, thế mạnh về giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; phát huy giá trị tổng hợp của hệ sinh thái rừng trên cùng một đơn vị diện tích; khai thác giá trị của hệ sinh thái rừng gắn với tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cộng đồng người dân ở khu vực có rừng và người làm nghề rừng; bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tri thức bản địa, góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố: Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 29/12/2022 về thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022 – 2025; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 28/7/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030;

- Thực hiện công tác tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp trồng rừng cải tiến áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; quản lý, giám sát chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo diện tích rừng trồng được kiểm soát tối đa về nguồn gốc, được trồng bằng giống tốt, xuất xứ rõ ràng, có hồ sơ quản lý giống;

- Tổ chức rà soát, xác định cụ thể vị trí, ranh giới, diện tích, chủ quản lý đất quy hoạch phát triển rừng sản xuất, rừng phòng hộ trong Quy hoạch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp chế biến gỗ với chủ rừng thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong công tác bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, cải tạo rừng, làm giàu rừng; sử dụng các loài cây bản địa thực hiện trồng rừng hỗn loài, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày ở những nơi có điều kiện thích hợp qua đó tạo vùng nguyên liệu gỗ chất lượng, hợp pháp trên địa bàn thành phố.

1.2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Thực hiện điều tra, đánh giá, nghiên cứu, khảo nghiệm phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng gắn với phát triển rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; lựa chọn các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của từng địa phương;

- Xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng ở một số huyện, quận có diện tích rừng đồi núi như: Cát Hải, Thủy Nguyên, Kiến An, Đồ Sơn;

- Xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng; xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm mang thương hiệu Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà.

1.3. Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp

- Tổng kết, đánh giá, các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm kết hợp như: mô hình vườn rừng, trại rừng; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, cây đa mục đích, chăn nuôi dưới tán rừng,... nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, tài liệu hướng dẫn phổ biến kỹ thuật và nhân rộng các mô

hình thành công, hiệu quả;

- Lựa chọn các loại cây trồng, loài nuôi có giá trị cao phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình nông, lâm, ngư kết hợp có hiệu quả, thành công. Áp dụng các biện pháp canh tác hiệu quả và quản lý chất lượng rừng trồng, thủy sản,... kết hợp dưới tán rừng để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng;

- Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả; phát huy trách nhiệm, khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

1.4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Tổ chức thực hiện Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng đã phê duyệt tại Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đẩy mạnh triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật; hằng năm tiến hành rà soát, phê duyệt bổ sung đầy đủ, kịp thời các đối tượng có sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh. Triển khai, nhân rộng mô hình kinh doanh tín chỉ các-bon từ rừng;

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

1.5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, đáp ứng nhu cầu du khách; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe...; tăng cường kêu gọi đầu tư hình thành hệ thống khu, điểm du lịch cộng đồng có sự liên kết theo chuỗi các sản phẩm liên ngành, liên kết vùng và quốc gia;

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với người dân sống gần rừng. Xây dựng các loại hình, sản phẩm du lịch trải nghiệm, gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng như thám hiểm rừng, dạo chơi thiên nhiên và tạo các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý;

MT

- Phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, các kênh truyền thông giới thiệu và nhận các phản hồi về các hoạt động và trải nghiệm du lịch trong rừng; sử dụng mạng xã hội, trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm ảnh,...) để đưa thông tin đến du khách trong nước và quốc tế;

- Thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng; hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao sinh kế thông qua việc sử dụng lao động địa phương.

2. Giải pháp

2.1. Về cơ chế chính sách

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách về lĩnh vực lâm nghiệp và các lĩnh vực khác có liên quan, đề tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tế.

- Tiếp tục thực hiện và lồng ghép thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của thành phố đã ban hành. Thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh các giá trị từ rừng trên địa bàn thành phố.

2.2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; quy hoạch phát triển lâm nghiệp tích hợp trong quy hoạch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám GIS để thống nhất quản lý.

- Thực hiện công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo hướng đảm bảo nguyên tắc mọi diện tích rừng có chủ quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện phân định ranh giới và cắm mốc ranh giới rừng trên thực địa; xử lý các vi phạm pháp luật về lâm nghiệp lâm nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Triển khai thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố. Bảo vệ phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ;

- Tổ chức rà soát diện tích đất phát triển rừng sản xuất để lập quy hoạch theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; qua đó tạo vùng nguyên liệu gỗ chất lượng, hợp pháp trên địa bàn thành phố.

QĐ

2.3. Ứng dụng khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ GIS vào điều tra rừng, quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, theo dõi xói lở bờ biển, quản lý hồ hợp đồng nhận khoán;

- Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong phát triển sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu; sản xuất lâm - ngư kết hợp dưới tán rừng, sản xuất giống cây lâm nghiệp nhằm phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng.

2.4. Tổ chức triển khai hiệu quả các lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp

a) Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng; thay đổi tư duy, nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp,... để duy trì và phát triển sinh kế bền vững của người làm nghề rừng;

- Thúc đẩy liên kết vùng, các trục phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là đường lâm nghiệp để khai thác tổng hợp các giá trị của hệ sinh thái rừng.

b) Phát triển rừng

- Xây dựng và triển khai chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Triển khai các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất trong lâm nghiệp (trồng rừng, phát triển rừng) giữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng với nhà khoa học và doanh nghiệp,... hình thành chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa bền vững.

c) Sử dụng rừng

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp: Khoán bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, hỗ trợ làm giàu rừng..., đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định của pháp luật lâm nghiệp;

- Xây dựng và phát triển các mô hình nông, lâm, ngư kết hợp trong các hệ sinh thái rừng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ hấp thụ các-bon; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của mỗi địa phương.

2.5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục phổ biến Kế hoạch thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân thành phố đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan; đặc biệt là chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng nhằm thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả;

mm

- Tổ chức đào tạo, tập huấn các hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng, nhằm phát triển các mô hình kinh tế lâm nghiệp gắn với duy trì, phát triển văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao năng lực cho chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, về lĩnh vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, hướng tới nhân viên bảo vệ rừng trở thành hướng dẫn viên du lịch trong môi trường rừng.

2.6. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

- Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp trong nước và quốc tế trong việc triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Tiếp tục hợp tác quốc tế trong việc thực hiện các cam kết về quản lý, bảo vệ Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà và Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà;

- Tổ chức triển khai hiệu quả các thỏa thuận liên quan đến trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ rừng, từng bước đảm bảo các điều kiện để hình thành thị trường các-bon rừng;

- Thúc đẩy thực hiện thu dịch vụ môi trường rừng, tiếp cận thị trường các-bon rừng quốc tế, nhằm huy động nguồn tài chính cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua thực hiện cơ chế lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các Chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án, kế hoạch khác; nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

- Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; nguồn thu từ cho thuê môi trường rừng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với nội dung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án có

liên quan theo quy định;

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện định kỳ 5 năm và khi kết thúc giai đoạn; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tiễn;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch này bảo đảm có hiệu quả, đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở ngành có liên quan tham mưu cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định liên quan.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở ngành có liên quan cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện việc đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học; hướng dẫn triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học ở cấp huyện, cấp xã; xây dựng chương trình, nhiệm vụ dự án quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Sở; lồng ghép, gắn kết các nội dung quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền tại các khu, điểm du lịch và các làng nghề đảm bảo sự phát triển du lịch một cách bền vững.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ phù hợp với các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch thuộc trách nhiệm quản lý.

6. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban

nhân dân các quận, huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai hiệu quả Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

- Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân và các thành phần kinh tế trên địa bàn tham gia thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- TTTT, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP UBND TP;
- Lưu: VT, NN. *ND*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ
ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo kế hoạch số 167 /KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Hải Phòng)

TT	Chương trình/Nhiệm vụ/Dự án	Cơ quan/đơn vị chủ trì	Cơ quan đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật; truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và TT, các cơ quan truyền thông tại thành phố; UBND các quận, huyện có rừng; các chủ rừng	2024 - 2030	
2	Điều tra xác định hiện trạng rừng, trữ lượng các bon rừng trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các quận, huyện có rừng	2024 - 2025	
3	Triển khai thực hiện Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng.	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố	Các Sở, ngành liên quan, UBND các quận, huyện; chủ rừng; tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ môi trường rừng	Hàng năm	
4	Tổ chức thực hiện giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan, UBND các quận, huyện	2024 - 2026	
5	Rà soát phân định ranh giới rừng và cắm mốc ranh giới rừng trên thực địa.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện có rừng và chủ rừng	2028-2030	

Hải Phòng

6	Hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của các chủ rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và chủ rừng	2024 - 2030	
7	Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị trong lâm nghiệp, mô hình nông, lâm, ngư kết hợp bền vững, hiệu quả	UBND các quận, huyện	Các sở, ban, ngành, các đơn vị chủ rừng và tổ chức có liên quan	2025 - 2030	